



Biểu số 01/KQ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 455/BC-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Tình hình thực hiện năm 2025		Tỷ lệ %		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		118.222	114.715	238.858	231.251	202,04	201,59	
I	Thu nội địa	5.679	2.172	14.179	6.572	249,67	302,55	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo			171				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			1.678				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	349	279	1.811	779	518,91	279,01	
4	Thuế thu nhập cá nhân	185	148	3.214	2.498	1.737,30	1.687,84	
5	Thuế bảo vệ môi trường							
6	Lệ phí trước bạ	80	80	2.978	734	3.722,50	917,50	
7	Thu phí, lệ phí	115	115	211	136	183,48	118,26	
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	410	410	449	437	109,51	106,59	
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			112				
11	Thu tiền sử dụng đất	4.000	600	1.742	1.127	43,55	187,83	
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)							
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
15	Thu khác ngân sách	180	180	1.293	341	718,33	189,44	
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	360	360	520	520	144,44	144,44	
II	Thu viện trợ							
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			56.375	56.375			
IV	Thu kết dư			24	24			
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	112.543	112.543	168.280	168.280	149,53	149,53	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	112.543	112.543	112.543	112.543	100,00	100,00	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			55.737	55.737			



TRÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo báo cáo số 455/BC-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hà Nam)

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán theo NQ số 08/NQ- HĐND	Dự toán sau điều chỉnh theo TB số 16/TB- TTHĐND	Số chi đã thực hiện	Tỷ lệ % TH/DT	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)	4 = 3/2	C
TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ		112.734	114.715	169.011	147,33	
	Trong đó:					
I	Chi đầu tư phát triển	600	600	28.985	4.830,83	
1	Chi đầu tư cho các dự án	600	600	28.985	4.830,83	
2	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	112.134	110.271	136.182	123,50	
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	69.167	69.167	72.167	104,34	
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	3.208	2.987	3.162	105,86	
3	Chi khoa học và công nghệ					
4	Chi y tế, dân số và gia đình	178	178	178	100,00	
5	Chi văn hóa thông tin	359	359	412	114,76	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	274	274	274	100,00	
7	Chi thể dục thể thao	287	287	287	100,00	
8	Chi bảo vệ môi trường	1.666	1.537	1.537	100,00	
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.833	3.650	4.112	112,66	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.346	28.740	42.151	146,66	
11	Chi bảo đảm xã hội	3.023	3.023	11.833	391,43	
12	Chi khác	69	69	69	100,00	
III	Dự phòng ngân sách xã	3.724	3.844	3.844	100,00	